

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày: 29-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Xuân Nguyên

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Hà Ngọc A; (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2002 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Ngọc C, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 21/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bắc Kạn.

*** Bị hại:** Bà Bàn Thị S, sinh năm 1972 - Địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** T, L, Q- Địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M -Tiểu đoàn trưởng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ, ngày 19/10/2022, Hà Ngọc A đang là chiến sỹ của T, L, Q đóng quân tại thôn Đ, xã V (nay là tiểu khu Đ, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn tự ý rời

đơn vị để đi chơi. Sau khi rời khỏi đơn vị, A đi bộ ra đường Quốc lộ 3, khi đang đi bộ theo đường Quốc lộ 3 thuộc thôn Đ, xã V thì thấy có quán ăn của bà Bàn Thị S mở cửa nên đi vào gọi mua nước uống nhưng không thấy có ai. A phát hiện thấy trong quán có 01 chiếc xe mô tô Wave, màu sơn đen, không có biển số đăng ký để trong quán, đang cắm sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A quan sát thấy không có ai nên đi vào dắt xe ra khỏi quán và dắt xe theo đường Quốc lộ 3 về hướng Bắc Kạn, khi đi cách quán bà S khoảng 100m thì A nổ xe máy và điều khiển chiếc xe trên theo đường Quốc lộ 3 đi về phía thành phố B để tiêu thụ. Do xe không có giấy tờ nên không tiêu thụ được tại thành phố B, A tiếp tục điều khiển xe xuống thành phố T vào cửa hàng mua bán xe máy H thuộc tổ 2, phường Đ, thành phố T để hỏi bán xe, nhưng không có giấy tờ xe nên chủ của hàng là chị Trần Thị Mai P không mua. Khi quay ra khỏi cửa hàng thì có một người đàn ông không quen biết đi đến hỏi mua xe, A đồng ý bán chiếc xe đã trộm cắp được cho người đàn ông trên với số tiền 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền bán chiếc xe có được, A đã tiêu dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản, bà Bàn Thị S đã trình báo đến cơ quan Công an. Quá trình xác minh, Cơ quan Công an đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu xác định chiếc xe mô tô bị mất trộm đã được đăng ký có biển số đăng ký là: 97H1-002.32, chủ sở hữu là Bàn Thị S, do thời điểm bị mất trộm, bà S đang làm thủ tục đăng ký xe nên chiếc xe chưa có biển số đăng ký, sau khi mất xe thì mới nhận được giấy đăng ký và biển số đăng ký của xe. Bà S đã giao nộp biển số xe và giấy đăng ký cho cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: Chiếc xe HONDA WAVE, BKS 97H1-002.32 bị mất trộm tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị là: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Trong quá trình xác minh giải quyết tin báo về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành xác minh làm rõ được Hà Ngọc A đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhân thân của A đang là chiến sĩ của T, L, Q, đang đóng quân tại thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 05/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã làm phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan điều tra hình sự K, Q - Bộ Quốc Phòng giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, tại thời điểm chuyển nguồn tin về tội phạm, A đã xuất ngũ theo Quyết định số 158/QĐ-XN ngày 03/01/2023 của L, Q, Bộ Quốc Phòng. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã thụ lý và khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hà Ngọc A theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSNS, ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Hà Ngọc A về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

tuyên bố bị cáo Hà Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/4/2023.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bà Bàn Thị S 01 biển số xe, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng (đã có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị cáo, bị hại, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 19/10/2022 tại quán bán hàng nhà bà Bàn Thị S, sinh năm 1972 thuộc thôn Đ, xã V (nay là tiểu khu Đ, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Hà Ngọc A, sinh năm 2002, trú tại Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi một mình lén lút

trộm cắp 01 (một) chiếc xe HONDA WAVE, BKS 97H1-002.32 của bà Bàn Thị S trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Hà Ngọc A là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, hình phạt đối với bị cáo

Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại. Tại phiên tòa, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Mặc dù hành vi bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng tài sản bị cáo trộm cắp là tài sản thiết yếu, có giá trị lớn so với mức thu nhập của người dân địa phương, khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo nhận thức được là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến tài sản của người khác nhưng vẫn cố tình thực hiện; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến phạm tội là do thỏa mãn mục đích ăn chơi, đua đòi, không chịu tu dưỡng bản thân nên xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cần thiết mới đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho gia đình, xã hội và đáp ứng yêu cầu của việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được số tiền 24.000.000 đồng bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe và không yêu cầu bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 1.000.000 đồng là chi phí cấp 01 giấy phép lái xe mô tô, xe gắn máy mang tên Bàn Thị S, 02 (hai) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm của chủ xe mô tô, xe gắn máy để trong cốp xe mà bị cáo đã trộm cắp. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Hai bên thống nhất thỏa thuận tự nguyện thỏa thuận mức bồi thường với số tiền 1.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên, thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là T, L đã thực hiện việc bồi thường cho bị hại số tiền 24.000.000 đồng, trong đó có 21.000.000 đồng là tiền xuất ngũ của bị cáo, đơn vị hỗ trợ thêm 3.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đơn vị đã bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô bị cáo trộm cắp, do không thể tìm được người mua xe nên không thu hồi được. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với biển số xe mô tô bằng kim loại 97H1-002.32 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, biển kiểm soát 97H1-002.32 là tài sản hợp pháp của bà S nên cần trả lại cho bà S.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị cáo Hà Ngọc A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại bà Bàn Thị S số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bị hại bà Bàn Thị S:

- 01 (một) Biển số xe mô tô bằng kim loại, có mặt bảo vệ bằng nhựa trong suốt, số: 97H1-002.32, biển số còn mới.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 97 000340, đối với xe có biển số đăng ký: 97H1-002.32, mang tên Bàn Thị S, địa chỉ: Đ, V, N, Bắc Kạn

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ